**I. Thông tin chung:**

1.1. Tên đề tài: ***“Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn của việc kết nối kinh tế giữa Việt Nam và Nhật Bản trong bối cảnh hội nhập kinh tế khu vực”***

1.2. Mã số: KX 01.13/16-20

1.3. Kinh phí thực hiện: 2.750 triệu đồng

- Trong đó, kinh phí từ ngân sách SNKH: 2.750 triệu đồng.

- Kinh phí từ nguồn khác: 0 triệu đồng.

1.4 Thời gian thực hiện: 24 tháng, từ tháng 9/2017 đến tháng 8/2019

1.5 Tổ chức chủ trì: Trường Đại học Kinh tế quốc dân

1.6. Chủ nhiệm đề tài: PGS.TS. Phạm Hồng Chương

1.7. Các thành viên chính tham gia thực hiện đề tài:

| **TT** | **Họ và tên** | **Chức danh khoa học** | **Tổ chức công tác hiện nay** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. | Phạm Hồng Chương | PGS.TS | Trường ĐH Kinh tế quốc dân |
| 2. | Phạm Thị Huyền | PGS.TS | Trường ĐH Kinh tế quốc dân |
| 3. | Lê Hà Thanh | PGS.TS | Trường ĐH Kinh tế quốc dân |
| 4. | Kenichi Ohno | GS.TS | Viện nghiên cứu chính sách quốc gia Nhật Bản |
| 5. | Trương Đình Chiến | PGS.TS | Trường ĐH Kinh tế quốc dân |
| 6. | Trịnh Mai Vân | TS | Trường ĐH Kinh tế quốc dân |
| 7. | Trần Công Thắng | TS | Viện Chính sách và chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn |
| 8. | TS. Lương Minh Huân | TS | Viện Phát triển doanh nghiệp, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam |
| 9. | Phạm Thị Bích Chi | PGS.TS | Trường ĐH Kinh tế quốc dân |
| 10. | Hoàng Xuân Hòa | TS | Ban kinh tế Trung ương |
| 11. | Vũ Huy Thông | PGS.TS | Trường ĐH Kinh tế quốc dân |
| 12. | Nguyễn Hữu Đồng | TS | Trường ĐH Kinh tế quốc dân |

**II. Thời gian, địa điểm dự kiến tổ chức đánh giá, nghiệm thu:**

2.1 Thời gian dự kiến: Tháng 3 năm 2020.

2.2 Địa điểm: tại Bộ Khoa học và Công nghệ.

**III. Nội dung báo cáo tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:**

3.1. Sản phẩm đã hoàn thành đáp ứng và vượt yêu cầu về số lượng và chất lượng của Hợp đồng nghiên cứu khoa học đã ký kết, gồm:

* 01 báo cáo tổng hợp;
* 01 báo cáo tóm tắt;
* 01 báo cáo kiến nghị;
* 01 bài đăng tạp chí quốc tế;
* 04 bài báo đăng tạp chí trong nước (vượt trội so với đăng ký: 01 bài)
* 09 bài hội thảo trong nước (vượt trội so với đăng ký: 04 bài)
* 01 bài hội thảo quốc tế;
* 01 bản thảo sách.

3.2. Sản phẩm khoa học đã và sẽ chuyển giao:

- Danh mục sản phẩm khoa học dự kiến ứng dụng, chuyển giao:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên sản phẩm**  | **Thời gian dự kiến ứng dụng** | **Cơ quan dự kiến ứng dụng** |
| 1 | Báo cáo tổng hợp | 2020 | - Các cơ quan hoạch định và thực thi chính sách của Đảng, Chính phủ: Hội đồng Lý luận Trung ương; Văn Phòng Trung ương Đảng; Ban Tuyên giáo Trung ương; Ban Kinh tế Trung ương; Ủy ban Kinh tế của Quốc hội; Hội đồng Khoa học các cơ quan Đảng Trung ương; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Công Thương; Văn phòng Chính phủ; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan hoạch định chính sách của Đảng và Nhà nước.- HĐND, UBND các tỉnh/thành phố có các nhà đầu tư Nhật Bản - Các viện nghiên cứu về chiến lược, chính sách: viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, viện Nghiên cứu chiến lược, chính sách công thương (Bộ Công thương), viện Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn (Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn), viện Phát triển doanh nghiệp (Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam), Diễn đàn Phát triển Việt Nam.- Các trường đại học: trường ĐH Kinh tế quốc dân, trường ĐH Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, trường ĐH Công nghiệp Hà Nội.- Các đối tác Nhật Bản: JETRO, JICA, Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam, Hiệp hội các doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam, Viện nghiên cứu chính sách quốc gia Nhật Bản. |
| 2 | Báo cáo tóm tắt | 2020 |
| 3 | Báo cáo kiến nghị | 2020 |
| 4 | Sách chuyên khảo *“Tăng cường kết nối kinh tế Việt Nam với Nhật Bản”* | 2020 |
| 5 | Tài liệu giảng dạy | 2020 | - Các trường đại học, các thư viện |

- Danh mục sản phẩm khoa học đã được chuyển giao:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên sản phẩm**  | **Thời gian ứng dụng** | **Tên cơ quan ứng dụng** |
| 1 | Báo cáo tổng hợp | 2019 | - Ban Kinh tế Trung ương- Ủy ban Kinh tế của Quốc hội- Hội đồng khoa học khối cơ quan Đảng |
| 2 | Báo cáo tóm tắt |
| 3 | Báo cáo kiến nghị |
| 4 | Tài liệu giảng dạyBài giảng về *“Công nghiệp hỗ trợ ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp”* | 2019 | Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Đảng ủy khối doanh nghiệp Trung ương |

3.3 Về những đóng góp mới của nhiệm vụ

***Đóng góp mới về khoa học***

Đề tài có một số đóng góp về khoa học như sau:

* Luận giải cơ sở lý luận về kết nối kinh tế giữa các nước cũng như làm rõ khái niệm, bản chất, nội dung và phương thức kết nối kinh tế giữa các nước trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế;
* Cung cấp một bức tranh tổng thể về thực trạng kết nối kinh tế giữa Việt Nam và Nhật Bản ở góc độ vĩ mô và vi mô;
* Đánh giá tổng hợp các chủ trương, chính sách, qui định về kết nối kinh tế giữa Việt Nam và Nhật Bản đồng thời nhận diện những nhân tố ảnh hưởng tới việc kết nối kinh tế giữa Việt Nam và Nhật Bản;
* Xác định những tồn tại và ách tắc trong việc kết nối kinh tế giữa Việt Nam và Nhật Bản và tìm ra nguyên nhân của những vấn vấn đề trên;
* Đề xuất các định hướng chính sách và giải pháp nhằm tăng cường kết nối năng lực sản xuất giữa Việt Nam và Nhật Bản trong điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế khu vực, tầm nhìn và mục tiêu đến năm 2035.

***Đóng góp trong việc xây dựng, hoạch định chính sách***

Trên cơ sở tổng kết lý luận và đánh giá thực trạng kết nối, đề tài đề xuất các định hướng chính sách và giải pháp nhằm tăng cường kết nối năng lực sản xuất giữa Việt Nam và Nhật Bản trong điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế khu vực, tầm nhìn và mục tiêu đến năm 2035. Các kiến nghị hướng vào 2 nhóm đối tượng chính: (i) Kiến nghị đối với chính phủ hai nước và (ii) Kiến nghị đối với các doanh nghiệp. Các giải pháp trọng tâm gồm: (i) Nâng cao năng suất; (ii) Học hỏi, chuyển giao công nghệ, thúc đẩy liên kết với các doanh nghiệp FDI Nhật Bản; (iii) Cải thiện chất lượng nguồn nhân lực; (iv) Cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao hiệu quả Marketing FDI và (v) Thúc đẩy tinh thần doanh nhân Việt Nam.

Đề tài là góp phần quan trọng vào việc cung cấp các luận cứ khoa học và thực tiễn để nghiên cứu, đề xuất cho Bộ Chính trị, Ban Bí thư xây dựng các chính sách, phục vụ cho việc soạn thảo một số nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương khoá XII, cho chính phủ, các Bộ ngành, địa phương về các vấn đề liên quan đến tháo dỡ, khắc phục các rào cản nhằm tăng cường kết nối giữa hai nền kinh tế Việt Nam và Nhật Bản trong thời kỳ mới của đất nước. Kết quả nghiên cứu của đề tài đã được xác nhận ứng dụng của các cơ quan hoạch định và thực thi chính sách của Đảng, Chính phủ: Ban Kinh tế Trung ương, Ủy ban Kinh tế của Quốc Hội, Hội đồng khoa học Khối cơ quan Đảng.

3.4 Về hiệu quả của nhiệm vụ:

*3.4.1. Hiệu quả kinh tế*

Các giải pháp trong việc thúc đẩy kết nối kinh tế giữa Việt Nam và Nhật Bản được đề xuất trong khuôn khổ đề tài được kỳ vọng góp phần cải thiện môi trường kinh doanh của Việt Nam; tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp Việt Nam và Nhật Bản; hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam điều chỉnh chiến lược kinh doanh trong mối quan hệ với đối tác Nhật Bản. Thông qua đó, đề tài góp phần nâng cao vị thế, vai trò của doanh nghiệp Việt Nam trong chuỗi giá trị, gia tăng hiệu quả hoạt động kinh tế và thúc đẩy nền kinh tế cả nước phát triển.

*3.4.2. Hiệu quả xã hội*

Đề tài đóng góp thiết thực cho xã hội thông qua các kết quả cụ thể:

* Đề tài là tài liệu tham khảo có giá trị cho các viện nghiên cứu, các trường đại học trong việc nghiên cứu, đào tạo, tư vấn hoạch định chính sách và đề xuất các chính sách tăng cường kết nối năng lực sản xuất giữa Việt Nam và Nhật Bản nói riêng và kết nối kinh tế giữa Việt Nam và các nước trong khu vực nói chung trong điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế khu vực
* Đề tài đã huy động một lực lượng lớn cán bộ nghiên cứu, giảng viên và nghiên cứu sinh của nhà trường tham gia nghiên cứu, khảo sát. Trong quá trình nghiên cứu, đề tài góp phần quan trọng trong việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực nghiên cứu của các cán bộ nghiên cứu của trường, của các cơ quan hợp tác nghiên cứu đề tài (viện Nghiên cứu chiến lược, chính sách công thương, viện Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn, viện Phát triển doanh nghiệp, Diễn đàn Phát triển Việt Nam), đặc biệt là nâng cao trình độ nghiên cứu của các giảng viên trẻ, các nghiên cứu sinh của nhà trường.
* Đề tài tham gia đào tạo 02 học viên cao học, 01 nghiên cứu sinh thực hiện luận văn về các vấn đề liên quan trực tiếp đến chính sách kết nối kinh tế giữa Việt Nam và Nhật Bản trong bối cảnh hội nhập kinh tế khu vực.
* Ban chủ nhiệm đề tài đã xây dựng Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu của đề tài, Báo cáo tóm tắt và Bản kiến nghị luận giải rõ các rào cản kết nối kinh tế giữa Việt Nam và Nhật Bản. Trên cơ sở đánh giá tình hình thực tế về liên kết kinh tế giữa Việt Nam và Nhật Bản, học hỏi kinh nghiệm từ các quốc gia khác trong khu vực, phân tích các định hướng, tầm nhìn và mục tiêu phát triển liên kết kinh tế Việt Nam và Nhật Bản và xu thế biến động của bối cảnh khu vực và quốc tế trong giai đoạn đoạn tới, đề tài đã đề xuất một số kiến nghị và truyền tải các kết quả nghiên cứu đến Đảng, Chính phủ hai nước, các Bộ Ban ngành và cộng đồng doanh nghiệp nhằm thúc đẩy quá trình kết nối kinh tế giữa Việt Nam và Nhật Bản.

**IV. Tự đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ**

1. Về tiến độ thực hiện: *(đánh dấu* ***√***  *vào ô tương ứng*):

|  |  |
| --- | --- |
| *- Nộp hồ sơ đúng hạn* | ❒ |
| *- Nộp chậm từ trên 30 ngày đến 06 tháng* | 🗹 |
| *- Nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng* | ❒ |

2. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

 *- Xuất sắc* ❒

 *- Đạt*  🗹

 *- Không đạt* ❒